TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **353** /2021/DS - PT
Ngày: 13- 10 - 2021
V/v: TC HĐ hợp tác kinh doanh.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Minh Hoàng.
Các Thẩm phán: Ông Vũ Toàn Giang
Bà Nguyễn Thu Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Ninh Việt Hoàng - Thư ký TAND TP Hà Nội

- Đại diện VKSND TP Hà Nội: Bà Hoàng Vĩnh Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 13/10/2021, tại trụ sở TAND Thành phố Hà Nội mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 100/2021/DSPT ngày 15/3/2021 về "Tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 47/2020/DS-ST ngày 9 và 10/12/2020 của TAND quận CG, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 320/2021/QĐ-PT ngày 15/7/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Quang Q, sinh năm 1973; HKTT: Xóm 3, thôn C , xã LX, huyện BG, tỉnh HD; Chỗ ở: Số 31 ngõ 267 PK, phường TV, quận N, Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH thương mại và dịch vụ TNH; Trụ sở: Số 2B ngõ 82/3 NK, phường YH, quận CG, Hà Nội. *Đại diện theo pháp luật* là bà Đinh Thị D – Giám đốc. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Lưu Thị P , Công ty luật TNHH L- Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội. Có mặt.

3. Người kháng cáo: Công ty TNHH thương mại và dịch vụ TNH là bị đơn. Có mặt người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Hồ sơ vụ án sơ thẩm*:*

1. Nguyên đơn trình bày :

Ngày 26/07/2018, ông Q và Công ty TNHH thương mại và dịch vụ TNH (*Sau đây viết tắt là*: Công ty TNH) đã ký Hợp đồng số 07/2018/HĐUT Hợp tác kinh doanh với nội dung: Ông Q ủy thác cho bị đơn thực hiện việc kinh doanh xuất vé máy bay; ông Q đã ủy thác cho bị đơn 2.244.950.000 đồng, lợi nhuận thỏa

thuận là 6%/tháng; thời gian ủy thác: Không thời hạn (*Khi nào hai bên không có nhu cầu thì sẽ thanh lý, báo trước 10 ngày*).

Ông Q đã chuyển đủ 2.244.950.000 đồng tiền mặt (*chuyển nhiều đợt trước ngày ký hợp đồng*) cho Công ty TNH do bà D nhận trực tiếp.

Kể từ ngày ký kế hợp đồng (*26/7/2018*) cho đến khi nộp đơn khởi kiện, ông Q đã nhiều lần yêu cầu Công ty TNH trả tiền gốc và lợi nhuận nhưng Công ty Nam Hồng không thực hiện và không thể liên hệ được với bà D là đại diện theo pháp luật của Công ty Nam Hồng.

Ông Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty TNH hoàn trả 100% số tiền gốc nguyên đơn đã uỷ thác cho Công ty TNH là 2.244.950.000 đồng;

- Buộc Công ty TNH trả tiền lợi nhuận cho nguyên đơn theo thỏa thuận trong Hợp đồng số 07/2018/HĐUT là 6%/tháng, thời hạn tính từ ngày ký hợp đồng cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Quá trình giải quyết, ông Q có ý kiến: Nếu Công ty TNH thanh toán toàn bộ số tiền gốc 2.244.950.000 đồng 1 lần thì ông Q sẽ miễn toàn bộ lợi nhuận . Ông không đồng ý với ý kiến của đại diện theo pháp luật của bị đơn đề nghị thanh toán cho ông mỗi tháng 50.000.000 đồng.

Ngày 01/12/2020, ông Q có đơn đề nghị thay đổi nội dung khởi kiện. Xin rút yêu cầu bị đơn trả tiền lợi nhuận6%/tháng. Chỉ đề nghị Tòa án buộc Công ty TNH phải hoàn trả 2.244.950.000 đồng tiền gốc mà ông đã uỷ thác và lãi suất theo quy định của pháp luật.

2. Bị đơn trình bày :

Xác nhận giữa nguyên đơn và bị đơn đã giao kết và ký Hợp đồng số 07/2018/HĐUT về việc Hợp tác kinh doanh như nguyên đơn đã trình bày. Tuy nhiên, Công ty TNH do bà D chỉ nhận trực tiếp 1.140.000.000 đồng do ông Q chuyển nhiều đợt trước ngày 26/7/2018 nhưng không nhớ rõ thời gian nhận tiền của từng đợt, chỉ nhớ bà D nhận từng đợt như sau:

- Đợt 1: Khoảng hơn 100 triệu; Đợt 2: Khoảng hơn 370 triệu; Đợt 3: Khoảng hơn 275 triệu; Đợt 4: Khoảng hơn 70 triệu; Đợt 5: Khoảng hơn 245 triệu. Đợt chuyển tiền đầu tiên là khoảng tháng 10/2017, đợt 5 là cuối tháng 11/2017.

- Đến ngày 26/7/2018, hai bên cùng chốt khoản tiền đã giao nhận và cùng thống nhất ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 07/2018, theo hợp đồng thỏa thuận lợi nhuận của khoản tiền 2.244.950.000 là 6%/1tháng, theo bị đơn thì số tiền này là cả gốc và lãi suất cộng dồn lại. Cả 5 đợt chuyển tiền, bà D là người viết giấy vay tiền và chỉ được lập 01 bản chính đều do ông Q giữ; bà D chỉ giữ bản phô tô.

Sau khi nhận tiền của ông Quyền, bà D đều chuyển cho kế toán nhập vào quỹ của Công ty TNH để kinh doanh.

Sau ngày 26/7/2018, do bị đơn hoạt động khó khăn, không thu được lợi nhuận, số lượng khách hàng nợ đọng khá nhiều, không thu hồi lại được nguồn vốn; cá nhân bà D mắc hiểm nghèo nên bị đơn đã không thể thanh toán lợi nhuận cho

nguyên đơn. Hiện nay, Công ty TNH tạm dừng hoạt động nhưng chưa giải thể, chưa làm thủ tục phá sản. Năm 2018, Công ty TNH hoạt động bình thường và có lợi nhuận. Kể từ năm 2019 đến nay, bị đơn ngừng hoạt động, không có doanh thu. Đề nghị được trả dần cho ông Q khoản tiền gốc thực tế đã nhận theo 5 đợt nêu trên là 1.140.000.000 đồng

Bản án sơ thẩm số 47/2020/DS-ST ngày 09 và 10/12/2020, Tòa án nhân dân quận CG, Thành phố Hà Nội. Quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Quang Q đối với Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ TNH về tranh chấp Hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Buộc Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ TNH phải thanh toán trả cho ông Hoàng Quang Q số tiền gốc là 2.244.950.000 đ (Hai tỷ hai trăm bốn mươi bốn triệu chín trăm năm mươi đồng*)*.

Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ TNH phải thanh toán cho ông Hoàng Quang Q số tiền chậm thanh toán là 533.252.500đ (năm trăm ba mươi ba triệu, hai trăm lăm mươi hai nghìn, năm trăm đồng).

Tổng cộng Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ TNH phải thanh toán trả cho ông Hoàng Quang Q số tiền là 2.778.202.500đ (hai tỷ bẩy trăm bẩy mươi tám triệu hai trăm linh hai nghìn năm trăm đồng).

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Quang Q về việc buộc Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ TNH phải thanh toán cho ông Hoàng Quang Q số tiền lợi nhuận 6%/1tháng của số tiền 2.244.950.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ do chậm thi hành án, về quyền thỏa thuận thi hành án, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các bên.

Không đồng ý bản án sơ thẩm:

Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ TNH kháng cáo đối với toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên toà phúc thẩm.

Luật sư Phượng phát biểu tranh luận:

Xin được thay đổi kháng cáo: Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chỉ buộc bị đơn phải trả nguyên đơn khoản tiền gốc thực tế đã nhận theo 5 đợt là 1.140.000.000 đồng và hơn ba trăm triệu đồng tiền lãi suất phát sinh của khoản tiền gốc này, đồng thời sửa về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm tương ứng với số tiền phải hoàn trả.

Thừa nhận không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bị đơn chỉ nhận 1.140.000.000 đồng, chữ ký trong Hợp đồng số 07/2018/HĐUT và giấy cam kết ngày 18/10/2018 là đúng của bà Dung. Tuy nhiên các văn bản này chỉ thể hiên ký hợp đồng hợp tác là 2.244.950.000 đồng; chưa đủ căn cứ xác định là bà D đã nhận số tiền này.

Nguyên đơn- Ông Q giữ nguyên các quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm.

Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về cách giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người kháng cáo thực hiện quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa. Xác định người kháng cáo không có căn cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 47/2020/DS-ST của TAND quận CG.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do các bên đương sự xuất trình và Toà án thu thập được. Căn cứ kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên toà

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- Cấp sơ thẩm đã thụ lý vụ án, tiến hành tố tụng theo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

- Người kháng cáo nộp Đơn kháng cáo và Biên lai nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định.

[2] Về nội dung:

2.1. Xét kháng cáo của bị đơn. Hội đồng xét xử thấy:

Tại phiên tòa, người kháng cáo thay đổi nội dung kháng cáo trong phạm vi kháng cáo.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 07/2018/HĐUT ngày 26/7/2018 được nguyên đơn và bị đơn tự nguyện ký kết. Nội dung và hình thức của Hợp đồng không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội. Như vậy, Hợp đồng này có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành đối với các bên.

Điểm 1.2. Điều 1 của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 07/2018/HĐUT các bên thỏa thuận. " *Số tiền ủy thác là: Tổng số tiền là 2 .244.950.000 (Hai tỷ hai trăm bốn mươi bốn triệu chín trăm năm mươi đồng chẵn). Lợi nhuận hợp tác được tính là 6%/tháng được thanh toán vào 15 ngày 1 lần/1 tháng".*

"Giấy cam kết" ngày 18/10/2018 (bút lục số 20) do bà D viết và ký có nội dung: " *Tôi và anh Quyền có ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số tiền ký hơn 2 tỷ đồng. Trong quá trình làm việc tôi gặp khó khăn trong tài chính. Nên chưa thanh toán được. Tôi hẹn Anh Quyền chậm nhất đến 30/12/2018 tôi sẽ hoàn thiện thanh toán số tiền trên. Nếu sai Anh Quyền có thể làm việc với Ngân hàng số tiền tội đặt căn nhà trên và được sử dụng căn nhà trên cho đến khi tôi hoàn thiện xong công nợ.....nếu sai tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật.....*".

Đủ căn cứ xác định ông Q đã góp với Công ty TNH 2.244.950.000 đồng và sẽ được hưởng lợi nhuận là "*6%/tháng được thanh toán vào 15 ngày 1 lần/1 tháng"*. Nhưng bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo hợp đồng nên ngày 18/10/2018 đã cam kết "*... chậm nhất đến 30/12/2018 tôi sẽ hoàn thiện*

thanh toán số tiền trên". Việc bị đơn cho rằng: Thực chất ông Q chỉ chuyển cho bị đơn số tiền 1.140.000.000 đồng, số tiền 2.244.950.000 đồng là số tiền vay nợ của bị đơn đối với nguyên đơn cùng với số tiền lãi phát sinh từ số tiền này. Tuy nhiên, bị đơn không xuất trình được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào thể hiện giữa các bên có thỏa thuận vay tài sản như bị đơn đã trình bày cũng như không xuất trình được tài liệu, chứng cứ thể hiện nguyên đơn chỉ giao cho bị đơn số tiền 1.140.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả ông Q tổng số tiền 2.778.202.500 đồng bao gồm 2.244.950.000 đồng tiền gốc và 533.252.500 đồng tiền lãi suất phát sinh là đúng quy định tại các Điều: 117,119,275,357,468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, bị đơn không có yêu cầu phản tố. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu mà nguyên đơn đã rút yêu cầu là đúng quy định pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, người kháng cáo không bổ sung được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Chỉ đề nghị tự nguyện đề nghị trả nguyên đơn 1.140.000.000 đồng và tiền lãi suất phát sinh của khoản tiền gốc này nhưng không được nguyên đơn chấp nhận.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của người kháng cáo là Công ty TNH .

2.2. Quan điểm của Hội đồng xét xử phúc thẩm:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ TNH. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng quy định pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm.

[3]. Về án phí:

- Giữ nguyên Quyết định về án phí sơ thẩm của cấp sơ thẩm.

- Do không được chấp nhận kháng cáo nên Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ TNH phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều: 147, 148; khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều: 117, 119, 275, 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ TNH. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Cụ thể như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Quang Q đối với Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ TNH về tranh chấp Hợp đồng hợp tác kinh doanh. Buộc Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ TNH phải thanh toán trả ông

Hoàng Quang Q tổng số tiền là 2.778.202.500 (*Hai tỷ, bảy trăm bảy mươi tám triệu, hai trăm linh hai nghìn, năm trăm*) đồng. Trong đó gồm: 2.244.950.000 (*Hai tỷ, hai trăm bốn mươi bốn triệu, chín trăm lăm mươi nghìn*) đồng tiền gốc và 533.252.500 (*Năm trăm ba mươi ba triệu, hai trăm lăm mươi hai nghìn, năm trăm*) đồng tiền lãi phát sinh.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành án nghĩa vụ trả tiền chưa thi hành xong khoản tiền phải trả thì còn phải chịu lãi theo mức lãi suất 10%/năm (*theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015*) đối với khoản tiền chưa thi hành xong.

2. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự đối với một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Quang Q về việc buộc Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ TNH phải trả ông số tiền lợi nhuận 6%/tháng của số tiền 2.244.950.000 đồng do ông Hoàng Quang Q đã tự nguyện rút phần yêu cầu khởi kiện này.

3. Về án phí:

3.1. Buộc Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ TNH phải chịu 87.564.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được đối trừ với 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020765 ngày 22/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận CG, Thành phố Hà Nội. Còn phải nộp tiếp 87.564.000 (*Tám mươi bảy triệu, năm trăm sáu mươi bốn nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm

3.2. Ông Hoàng Quang Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Được hoàn trả 28.000.000 (*Hai mươi tám triệu*) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003518 ngày 28/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận CG, Thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS ND TP Hà Nội;
- TAND quận CG;
- Cục THADS TP Hà Nội;
- Chi Cục THADS quận CG;
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐỖ MINH HOÀNG